



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN NHIÊN LIỆU

Ngày 31/07/2019

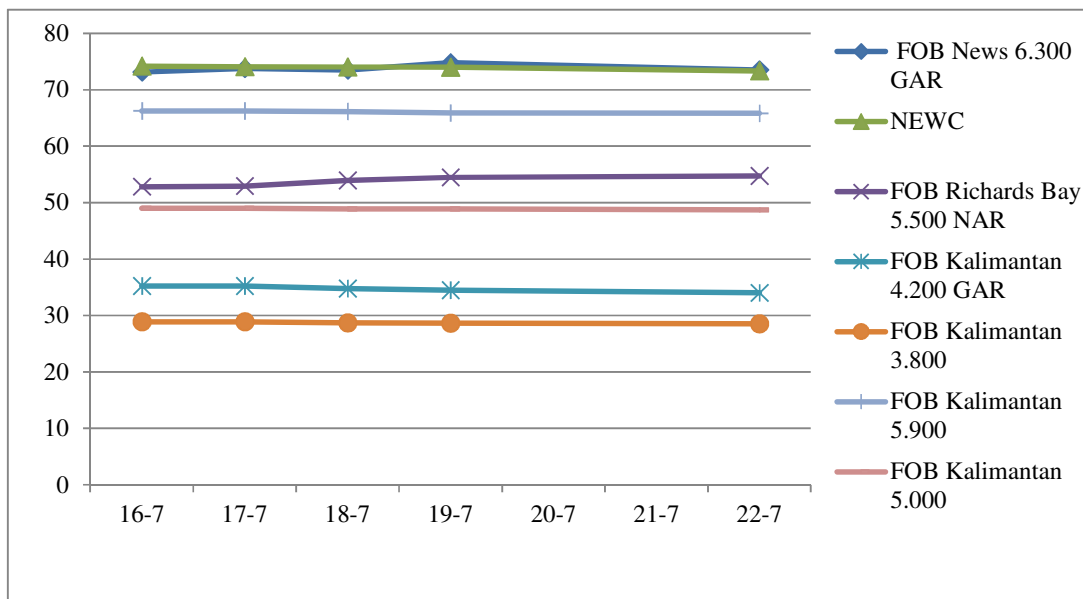
CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Đơn v : USD/tấn

Chỉ số giá than	Theo chuyển	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	73,75	-1,30	N/A	N/A
FOB Newcastle 6.000 NAR	73,36	-0,62	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	54,75	+0,30	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	65,80	-0,10
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	48,70	-0,20

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	43,75	-0,25	299,89	-1,60
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	58,45	+0,05	400,66	+0,50
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	68,45	+0,45	469,20	+3,26

THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 22/07/2019)

GIÁ DẦU DO 0,05 S

Chỉ số giá dầu DO quốc tế (hàng tuần)	Giá (USD/lít)	+/-	Chỉ số giá dầu DO trong nước	Giá (VNĐ/lít)	+/-
Trung Quốc	0,93	+0,00	Dầu DO 0,05S - Vùng 1	15.160	+ 0,00
Malaysia	0,53	+0,00	Dầu DO 0,05S - Vùng 2	15.460	+ 0,00
Thái Lan	0,86	-0,02	Dầu DO 0,05 S -II - Vùng 1	16.990	+ 0,00
Hàn Quốc	1,14	-0,01	Dầu DO 0,05 S -II - Vùng 2	17.320	+ 0,00
Singapore	1,30	-0,02			
Nga	0,72	+0,00			

(Nguồn: https://www.globalpetrolprices.com/diesel_prices/-cập nhật)

ĐIỂM TIN

Yancoal bán ra 6,7 triệu tấn than nhiệt Úc từ tháng 4 đến tháng 6, giảm 6% so với năm ngoái

Sản lượng than nhiệt Úc mà Yancoal đã bán ra từ tháng 4 đến tháng 6 năm nay đạt 6,7 triệu tấn, giảm 6% so với cùng kỳ năm ngoái và giảm 4% so với quý ngay trước đó. Công ty cho biết đang nỗ lực để tối ưu hóa sản lượng than nhiệt và than luyện kim bán ra để đáp ứng được nhu cầu của thị trường và tối đa giá bán. Trong báo cáo quý, công ty cho biết: “Trong quý vừa qua, những rào cản đối với than Úc nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc đã ảnh hưởng đến toàn khu vực. Ngoài ra, chúng tôi cũng phải đối mặt với tình trạng giá khí đốt ở Châu Âu xuống mức thấp nhất từ trước đến nay, từ đó khuyến khích than Nga và Colombia chuyển hướng sang tìm kiếm cơ hội tốt hơn tại thị trường Châu Á, trong khi đó nguồn cung tại đây rất dồi dào”. Ngoài ra báo cáo cũng cho biết những yếu tố này đã kéo giá than nhiệt sụt giảm nghiêm trọng trong khi giá than luyện kim tương đối ổn định. Yancoal cho biết sản lượng than luyện kim bán ra trong quý vừa qua đã đạt 1,5 triệu tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước và tăng 15% so với quý trước đó.

Giá than Kalimantan chịu tác động từ triển vọng nhu cầu sụt giảm

Tâm lý ảm đạm đang bao trùm thị trường do nhu cầu của Trung Quốc sụt giảm mạnh, giá than Kalimantan nhiệt trị thấp chịu áp lực giảm giá, giá chào ở quanh mức 34,50 USD/tấn FOB Kalimantan đối với than 4.200 kcal/kg GAR (tương đương 3.800 kcal/kg NAR), trong khi giá thầu chưa xác định. Một công ty thương mại Singapore cho biết: “Chúng tôi có ba chuyển hàng than Indonesia 4.200 kcal/kg GAR để bán vào tháng 8, nhưng hiện chưa thấy gói thầu nào trên thị trường”. Một công ty thương mại Indonesia cho biết giá than Kalimantan trên thị trường đang giảm và giá thầu rất khó để đáp ứng. Lượng than trong kho dự trữ của các cảng và NMNĐ của Trung Quốc đang ở mức cao, đủ để cung cấp cho nội địa, góp phần làm giá than giảm sâu.

Một công ty thương mại ở Bắc Ấn Độ cho biết thị trường Pakistan đang có nhu cầu mua than Indonesia nhiệt trị trung bình. Một khách hàng Pakistan đã phát hành một gói thầu mua than trộn Indonesia 5.200 kcal/kg GAR giao tháng 8 trên tàu có cầu với giá thầu 50,5 USD/tấn FOB Kalimantan. Một công ty thương mại Indonesia cho biết than Indonesia 5.000 kcal/kg GAR (4.700 kcal/kg NAR) hiện có giá 48,5 - 49 USD/tấn FOB Kalimantan trên thị trường. Tại Bangladesh, một số chuyển hàng than 4.800 kcal/kg NAR, lưu huỳnh 0,3% được giao dịch trên mức 50 USD/tấn FOB Kalimantan. Nguồn cung than nhiệt Nam Phi 4.800 kcal/kg NAR đã bị siết chặt sau khi cảng Richards Bay bảo trì một số đường ray tàu hỏa chở than và giá chào kém hấp dẫn. Chênh lệch giữa giá than Nam Phi tham chiếu 6.000 kcal/kg NAR và giá than 5.500 kcal/kg NAR là 7 USD/tấn, chênh lệch với giá than 4.800 kcal/kg NAR là 11 USD / tấn.

(Nguồn: S&P Global Platts)

Trung Quốc ban hành hạn ngạch quý III cho sản phẩm dầu xuất khẩu

Trung Quốc đã ban hành hạn ngạch quý III năm 2019 cho các sản phẩm dầu tinh chế thương mại xuất khẩu, ở mức 6 triệu tấn. Cụ thể Sinopec được cấp hạn ngạch xuất khẩu 2,78 triệu tấn, tiếp theo

là PetroChina với 2,02 triệu tấn, Sinoool với 600.000 tấn và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Trung Quốc với 600.000 tấn. Tập đoàn lọc hóa dầu Hengli không được cấp hạn ngạch trong đợt này. Hạn ngạch riêng cho từng sản phẩm khác nhau chưa được thông báo.

Trung Quốc đã công bố hạn ngạch cho tổng số 56 triệu tấn dầu tinh chế thương mại và chưa tinh chế xuất khẩu vào năm 2019, tăng 8 triệu tấn tương đương 16,7% so với tổng số 48 triệu tấn cho năm 2018. Nước này có thể ban hành hạn ngạch cho hơn 60 triệu tấn dầu tinh chế xuất khẩu trong năm 2019. Trung Quốc dự kiến sẽ đẩy mạnh xuất khẩu xăng dầu vào cuối năm nay, do thị trường trong nước đang rơi vào tình trạng thừa cung nghiêm trọng và cả nước mới xuất khẩu hơn một nửa tổng hạn ngạch trong hai quý đầu của năm nay. Trung Quốc cũng có thể tăng tỷ lệ hạn ngạch xăng dầu vào cuối năm nay để khuyến khích xuất khẩu. Mức xuất khẩu xăng dầu của Trung Quốc trong nửa đầu năm 2019 chỉ chiếm 50% tổng hạn ngạch, trong khi xuất khẩu dầu diesel chiếm 64%, theo dữ liệu của JLC.

(Nguồn: <https://oilprice.com/Latest-Energy-News/World-News/China-Issues-Third-Batch-Quotas-For-Oil-Product-Exports.html>)

VẬN TẢI ĐƯỜNG BIÊN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị : USD/tấn
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	13,60	+0,30
	Queensland	Nhật Bản	15,70	+0,35
	New South Wales	Hàn Quốc	16,70	+0,35
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	15,20	+0,25
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	11,20	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	15,45	+0,25
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	9,50	+0,00
	Australia	Trung Quốc	14,95	+0,10
	Australia	Ấn Độ	17,10	+0,10

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 22/07/2019)